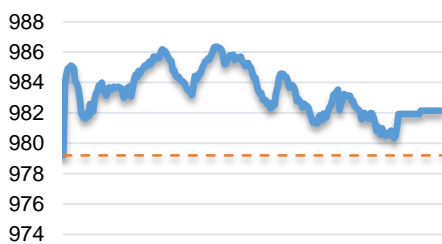


Diễn biến thị trường trong phiên

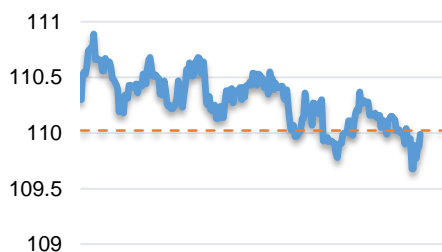
Rating	VNI	HNXI	UPCOM
<b>Điểm</b>	982.15	109.99	51.60
% ngày	0.30	(0.03)	0.41
% tuần	2.16	1.82	0.43
% tháng	5.22	2.20	2.07
% năm	29.02	9.04	(4.66)
<b>GTGD (Tỷ đồng)</b>			
Trong ngày	3,387.14	549.29	191.65
Hôm qua	3,502.70	420.16	220.51
TB 1 tháng	3,550.45	546.44	230.82
<b>Khối ngoại (Tỷ đồng)</b>			
Mua	509.45	4.79	14.53
Bán	456.71	11.43	25.11
Giá trị ròng	52.74	(6.64)	(10.58)
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	144	75	75
Mã Giảm	120	79	72
Không Đổi	89	230	587
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	17.7x	10.3x	9.8x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,127	196	846
LS Cổ tức	1.83	2.49	4.03

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

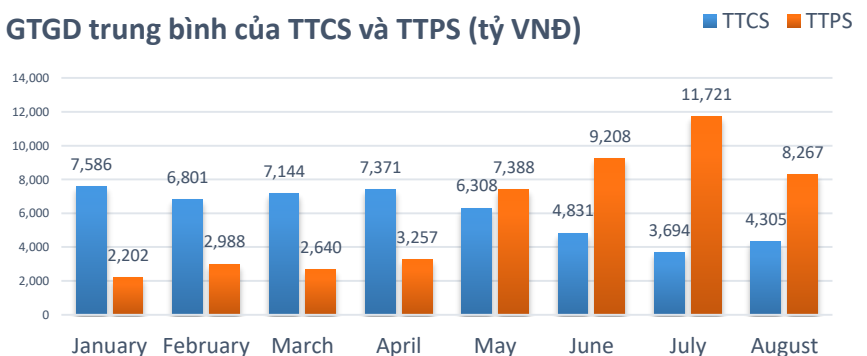
Thị trường giằng co liên tục trong phiên giao dịch ở trên tất cả các sàn. Chỉ số VN-Index tăng nhẹ 0.3% đóng cửa ở mức 982.2 điểm, chỉ số HNX-Index tăng giảm nhẹ 0.03% dừng lại gần mức tham chiếu 110 điểm và chỉ số Upcom-Index đóng cửa sát mức tham chiếu là 51.6 điểm tăng thêm 0.41%.

Nhóm ngành ngân hàng là những mã gây ảnh hưởng nhất đến sự tìm hãm của các chỉ số như VCB, BID, CTG, EIB, ACB... Ngoài ra, nhóm cổ phiếu chứng khoán HCM và SSI cũng chịu áp lực bán mạnh khiến hai mã này chốt phiên ở mức giá đỏ. Áp lực chốt lời lan sang các mã khác như NVL, PLX, MWG.

Hướng tích cực hơn, BVH, GAS, MSN, ROS, VCS, STB... vẫn duy trì được đà tăng mạnh và giúp giao dịch trên thị trường ở trạng thái cân bằng. Khối ngoại mua ròng nhẹ thêm 35,5 tỷ đồng trên toàn thị trường và chủ yếu tại các mã MSN, HPG, VNM, HDB, GAS...

Thanh khoản của thị trường trong phiên hôm nay là khoảng 4,500 tỷ đồng cao hơn mức trung bình GTGD tháng 8/2018 là 4,300 tỷ đồng. Về xu hướng dòng tiền của các nhà đầu tư đang có sự chuyển dịch dần từ thị trường phái sinh sang thị trường cơ sở khi tình hình thị trường đang dần ổn định hơn.

GTGD trung bình của TTCS và TTPS (tỷ VNĐ)



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng nhóm cổ phiếu Largecaps sẽ tiếp tục tích lũy và rung lắc trong phiên giao dịch kế tiếp. Đồng thời, chúng tôi vẫn đánh giá rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức thấp và mức độ phân hóa vẫn diễn ra, điểm tích cực là dòng tiền vẫn duy trì xu hướng tăng và tỷ trọng cổ phiếu ngắn hạn tiếp tục tăng nhẹ cho thấy cơ hội giải ngân tiếp tục được mở rộng. Ngoài ra, tâm lý nhà đầu tư tiếp tục có dấu hiệu cải thiện hơn cho thấy nhà đầu tư đang dần lạc quan.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì xu hướng TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số và giữ mức chốt lỗ của hệ thống ở mức 953.04 điểm của chỉ số VN-Index và 106.05 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục tận dụng nhịp điều chỉnh để cơ cấu lại danh mục và gia tăng tỷ trọng cổ phiếu theo mức khuyến nghị, chúng tôi vẫn ưu tiên nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao trong danh mục ở nhóm cổ phiếu Largecaps và Midcaps.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 56% cổ phiếu/44% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.10	GIẢM	GIẢM		17.14				19.88		
ACB	37.80	TĂNG	GIẢM	35.60	35.10	6.18%			41.80		
ACV	83.80	GIẢM	GIẢM	84.50	84.08	-0.49%	BÁN		95.72		
BFC	25.80	TĂNG	GIẢM	27.00	25.15	-4.44%			28.97		
BHN	81.90	GIẢM	GIẢM		88.75				109.05		
BID	32.50	TĂNG	TĂNG	25.80	29.18	25.97%			31.14		
BMP	54.10	GIẢM	GIẢM		55.43				63.44		
BSR	16.70	GIẢM	GIẢM		18.13				19.99		
BVH	87.50	TĂNG	GIẢM	78.00	78.25	12.18%			91.06		
BWE	18.75	TĂNG	GIẢM	17.70	17.44	5.93%			19.20		
CEO	13.90	TĂNG	GIẢM	13.40	12.34	3.73%			15.95		
CHP	22.60	GIẢM	TĂNG		23.64			23.50	22.03	-3.83%	
CSM	14.30	TĂNG	TĂNG	14.25	13.40	0.35%		14.39	12.77	-0.63%	
CTD	155.00	TĂNG	TĂNG	149.50	147.78	3.68%		161.20	125.07	-3.85%	
CTG	26.25	TĂNG	GIẢM	24.00	24.46	9.38%			28.07		
CTI	31.00	TĂNG	GIẢM	30.50	28.82	1.64%			33.12		
CVT	25.60	TĂNG	GIẢM	25.85	23.93	-0.97%			29.58		
DCM	10.30	TĂNG	GIẢM	11.05	10.00	-6.79%			11.62		
DGW	25.50	TĂNG	GIẢM	23.90	23.52	6.69%			26.51		
DHA	27.40	TĂNG	GIẢM	28.00	26.99	-2.14%			28.49		
DHC	37.20	GIẢM	GIẢM		40.57				43.99		
DHG	96.90	GIẢM	TĂNG		99.81			114.49	95.93	-15.36%	
DPG	43.50	TĂNG	GIẢM	40.90	40.22	6.36%			50.13		
DPM	17.80	TĂNG	GIẢM	17.70	17.44	0.56%			18.72		
DPR	37.10	TĂNG	GIẢM	37.50	36.08	-1.07%			39.13		
DQC	28.60	GIẢM	GIẢM		29.44				33.18		
DRC	25.70	TĂNG	TĂNG	25.85	23.30	-0.58%		24.30	19.87	5.76%	
DXG	27.90	TĂNG	GIẢM	23.75	26.14	17.47%			29.38		
ELC	8.30	GIẢM	GIẢM		9.43				10.93		
FCN	16.25	TĂNG	TĂNG	16.25	16.07	0.00%	MUA	17.70	13.88	-8.19%	
FIT	4.07	GIẢM	GIẢM		4.32				5.21		
FMC	23.30	TĂNG	GIẢM	21.20	22.29	9.91%			23.95		
FPT	44.05	TĂNG	GIẢM	42.90	42.00	2.68%			45.46		
GAS	100.00	GIẢM	GIẢM		100.94				103.15		
GEX	29.50	TĂNG	GIẢM	30.60	28.65	-3.59%		30.10	29.53	-1.88%	MUA
GIL	46.70	TĂNG	TĂNG	41.65	45.31	12.12%		34.90	40.42	33.81%	
GMD	26.65	TĂNG	GIẢM	25.40	25.09	4.92%			28.65		
GTN	11.50	GIẢM	TĂNG		11.71			11.20	9.83	2.68%	



We Create Fortune

HAG	7.01	GIẢM	TĂNG		7.57			6.19	5.86	13.25%	
HAX	15.20	GIẢM	GIẢM		16.19				18.67		
HBC	22.70	TĂNG	GIẢM	22.95	21.33	-1.09%			27.24		
HDB	36.00	GIẢM	GIẢM		37.30				42.35		
HNG	15.95	GIẢM	TĂNG		16.26			8.20	14.10	94.51%	
HPG	38.00	TĂNG	GIẢM	37.20	36.56	2.15%			42.50		
HSG	10.35	GIẢM	GIẢM		11.17				13.38		
HT1	12.60	TĂNG	GIẢM	11.75	11.54	7.23%			12.91		
HUT	5.30	GIẢM	GIẢM		5.48				6.72		
HVN	39.40	TĂNG	TĂNG	33.00	37.12	19.39%		39.20	39.08	0.51%	MUA
ITD	11.50	GIẢM	TĂNG		12.09			12.40	11.14	-7.26%	
KBC	12.40	TĂNG	GIẢM	12.10	11.63	2.48%			13.24		
KDH	29.30	GIẢM	GIẢM		30.14				33.70		
KSB	29.50	GIẢM	GIẢM		30.13				33.01		
LCG	9.57	TĂNG	GIẢM	9.46	9.30	1.16%			10.06		
LDG	14.25	GIẢM	GIẢM		14.76				15.06		
LIX	40.55	GIẢM	GIẢM		41.51				44.35		
LPB	9.50	GIẢM	GIẢM		10.07				11.99		
LSS	6.65	GIẢM	GIẢM		6.85				7.93		
MSN	92.00	TĂNG	TĂNG	79.10	87.46	16.31%			90.22		
MWG	121.70	TĂNG	TĂNG	112.00	115.70	8.66%		121.00	104.78	0.58%	
NKG	13.25	GIẢM	GIẢM		14.20				17.00		
NLG	30.45	TĂNG	GIẢM	29.80	28.62	2.18%			31.83		
NT2	26.25	GIẢM	GIẢM		27.13				28.69		
NTL	9.70	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-6.28%		10.45	8.94	-7.18%	
NTP	44.00	GIẢM	GIẢM		45.55				51.18		
PAC	39.00	GIẢM	GIẢM		39.95				42.18		
PC1	25.10	GIẢM	GIẢM		26.98				30.03		
PDR	26.00	GIẢM	GIẢM		26.14				29.12		
PGC	14.10	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-1.74%			15.68		
PHR	24.50	TĂNG	TĂNG	21.90	23.28	11.87%		24.00	19.56	2.08%	
PLX	65.60	TĂNG	GIẢM	60.50	61.57	8.43%			67.88		
PNJ	103.90	TĂNG	TĂNG	90.30	95.32	15.06%			102.31		
POW	13.10	TĂNG	GIẢM	13.00	12.91	0.77%			13.91		
PPC	18.45	TĂNG	GIẢM	18.50	17.71	-0.27%			19.21		
PTB	60.00	TĂNG	TĂNG		59.72			64.00	53.16	-6.25%	
PVD	14.35	GIẢM	TĂNG		15.67			16.35	11.75	-12.23%	
PVI	29.30	TĂNG	GIẢM	29.90	28.37	-2.01%			33.71		
PVS	19.80	TĂNG	TĂNG	17.00	18.87	16.47%		20.90	14.57	-5.26%	
PXS	6.00	GIẢM	TĂNG		6.15			6.19	4.57	-3.07%	
RAL	89.90	TĂNG	GIẢM	91.00	85.59	-1.21%			102.96		
REE	35.20	GIẢM	TĂNG		35.51				34.97		
SAB	213.00	TĂNG	GIẢM	208.00	202.60	2.40%			233.02		



We Create Fortune

SAM	6.90	GIẢM	GIẢM		7.10				7.59		
SBV	25.10	GIẢM	GIẢM		27.57				29.26		
SCR	9.32	TĂNG	GIẢM	9.35	8.58	-0.32%			10.30		
SHI	6.09	GIẢM	TĂNG		6.31			6.99	5.88	-12.88%	
SJS	20.30	TĂNG	GIẢM	19.70	19.17	3.05%			21.87		
SKG	22.40	TĂNG	TĂNG	20.05	21.40	11.72%			21.27		
SSI	30.20	TĂNG	GIẢM	29.55	29.12	2.20%			34.19		
STB	11.45	TĂNG	GIẢM	11.20	11.04	2.23%			12.71		
SVC	44.90	GIẢM	GIẢM		46.14				49.74		
TCM	21.30	TĂNG	TĂNG	17.80	19.82	19.66%			20.79		
TDH	11.35	GIẢM	GIẢM		11.71				13.50		
TLH	7.24	GIẢM	GIẢM		7.50				8.37		
TMT	6.47	GIẢM	GIẢM	5.61	6.55	16.70%	BÁN		7.28		
TNG	11.70	TĂNG	GIẢM	10.80	11.09	8.33%			11.90		
TYA	10.50	GIẢM	GIẢM		11.15				12.27		
VCB	61.90	TĂNG	GIẢM	57.50	59.68	7.65%			64.41		
VFG	37.80	GIẢM	TĂNG		38.63			34.39	33.47	9.90%	
VGC	16.90	GIẢM	GIẢM		17.74				21.50		
VHM	109.90	GIẢM	TĂNG		111.48						
VIB	28.90	TĂNG	GIẢM	27.60	27.37	4.71%			30.67		
VIC	103.60	GIẢM	TĂNG		107.45			111.50	92.44	-7.09%	
VIP	7.00	TĂNG	GIẢM	6.95	6.88	0.72%			7.29		
VJC	151.90	TĂNG	GIẢM	144.50	145.08	5.12%			154.12		
VNM	163.00	TĂNG	GIẢM	163.00	155.76	0.00%			175.10		
VPB	25.50	GIẢM	GIẢM		27.09				33.19		
VRC	22.60	TĂNG	TĂNG	17.75	21.59	27.32%		19.35	16.29	16.80%	
VRE	39.95	GIẢM	GIẢM		41.47				44.98		
VSC	41.35	TĂNG	TĂNG	35.50	38.55	16.48%		35.30	33.86	17.14%	
VSH	17.30	GIẢM	TĂNG		18.09			17.40	16.64	-0.57%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TP HCM (HSX)		
	Điểm	Chg%
VNI	982.15	0.30
VN30	959.63	0.46
VN Mid	1,013.92	0.08
VN Small	808.68	0.46

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	509.45	
Bán	456.71	
GT rỗng	52.74	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PME	4,600	6.8%
HT1	650	5.4%
CMG	1,250	5.4%
BVH	4,000	4.8%
AAA	750	4.6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TNI	(740)	-6.9%
VHC	(3,400)	-4.4%
TGG	(1,300)	-4.3%
VRC	(800)	-3.4%
CTI	(900)	-2.8%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTGD > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	330,652	
VHM	294,489	
VNM	236,546	
VCB	222,702	
GAS	191,395	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
FLC	20.23	15.68
STB	6.52	4.74
CTG	6.50	5.82
HPG	6.06	5.49
HAG	5.78	12.95

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)		
	Điểm	Chg%
HNI	109.99	(0.03)
HN30	196.59	0.15
VNX AllSh	1,377.04	0.29

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	4.79	
Bán	11.43	
GT rỗng	(6.64)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	2,500	6.5%
NVB	300	3.8%
VCS	3,000	3.6%
VIX	200	3.0%
HUT	100	1.9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SHS	(200)	-1.3%
TV2	(1,300)	-1.2%
SHB	(100)	-1.2%
PVS	(100)	-0.5%
ACB	(100)	-0.3%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	40,994	
VCS	13,920	
SHB	10,227	
PVS	8,845	
VCG	7,597	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SHB	7.23	6.35
PVS	5.14	6.06
ACB	4.52	4.88
HUT	2.18	1.56
VGC	1.85	1.48

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%
UPCoM	51.60	0.41

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	14.53	
Bán	25.11	
GT rỗng	(10.58)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
LPB	200	2.2%
MPC	300	0.8%
POW	100	0.8%
OIL	100	0.7%
DVN	100	0.7%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HVN	(600)	-1.5%
NTC	(1,000)	-1.5%
VGT	(100)	-1.0%
QNS	(200)	-0.5%
ACV	(300)	-0.4%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	182,443	
MCH	52,030	
BSR	51,778	
HVN	49,240	
GVR	32,000	

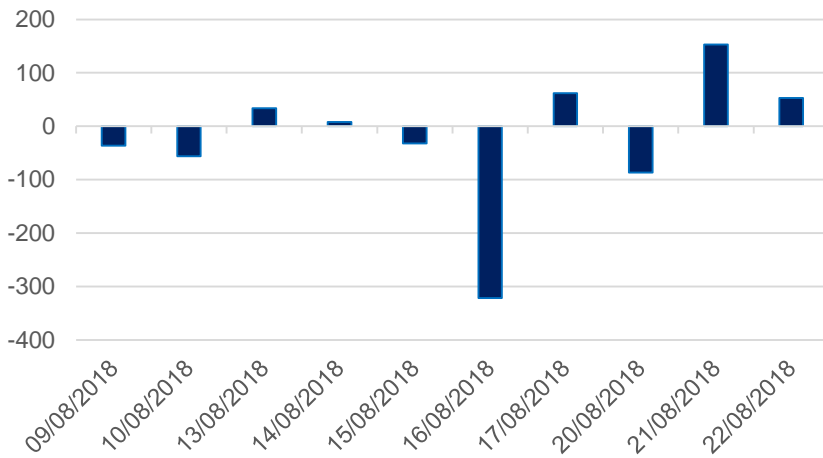
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SVH	7.98	0.27
LPB	1.76	2.27
BSR	1.55	1.73
HVN	0.89	0.74
ART	0.76	2.24

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

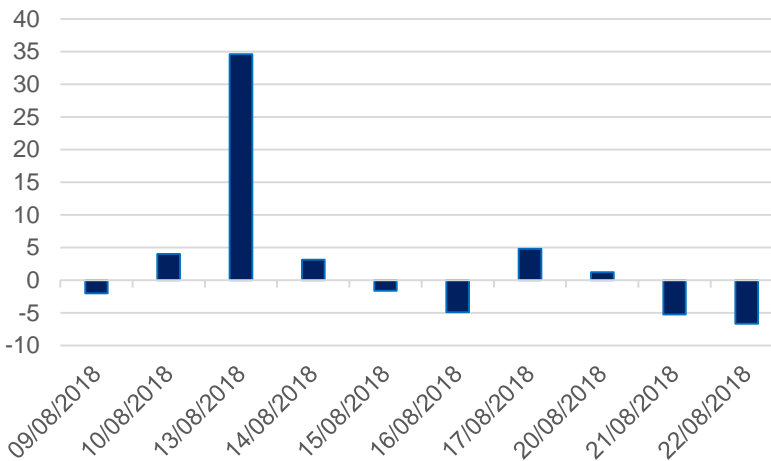
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
MSN	37,520	VHM	(23,108)
HPG	34,600	VJC	(18,854)
VNM	14,022	VIC	(16,812)
HDB	10,873	NVL	(16,735)
GAS	10,494	HCM	(7,611)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

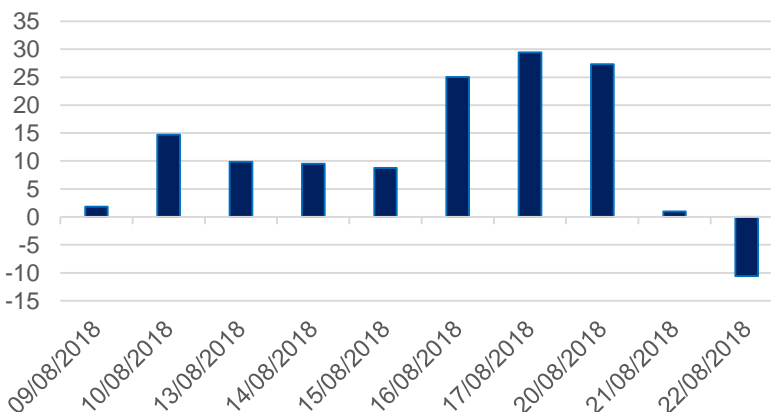
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
CEO	1,668	VGC	(5,781)
HUT	316	SHB	(1,651)
AMV	173	CSC	(818)
SHS	151	PVS	(783)
TV2	115	MAS	(336)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VEA	8,907	BSR	(12,918)
HVN	1,115	OIL	(7,648)
TCW	173	ACV	(773)
CHS	89	QNS	(48)
POW	88	MSR	(11)

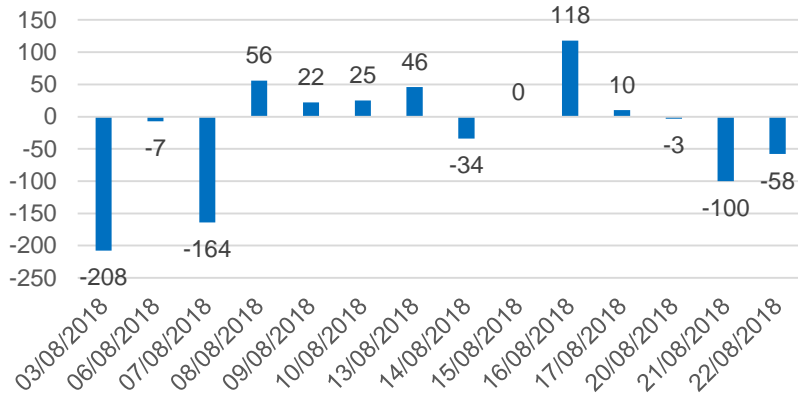
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

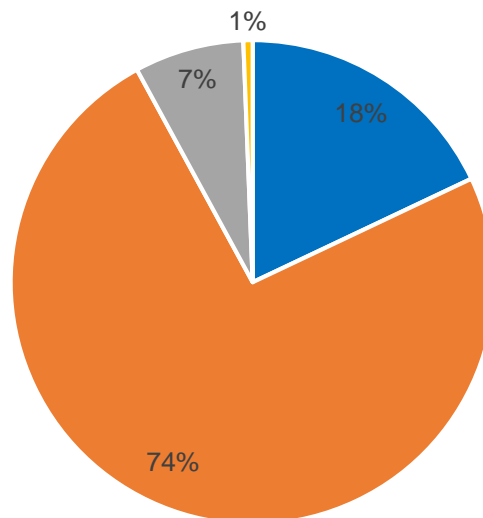


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VND)
<b>VIC</b>	13,478	<b>VNM</b>	33,778
<b>MBB</b>	4,909	<b>HPG</b>	30,717
<b>DIG</b>	4,576	<b>GTN</b>	18,169
<b>FPT</b>	3,609	<b>PLX</b>	12,600
<b>VCB</b>	3,264	<b>CII</b>	5,067

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



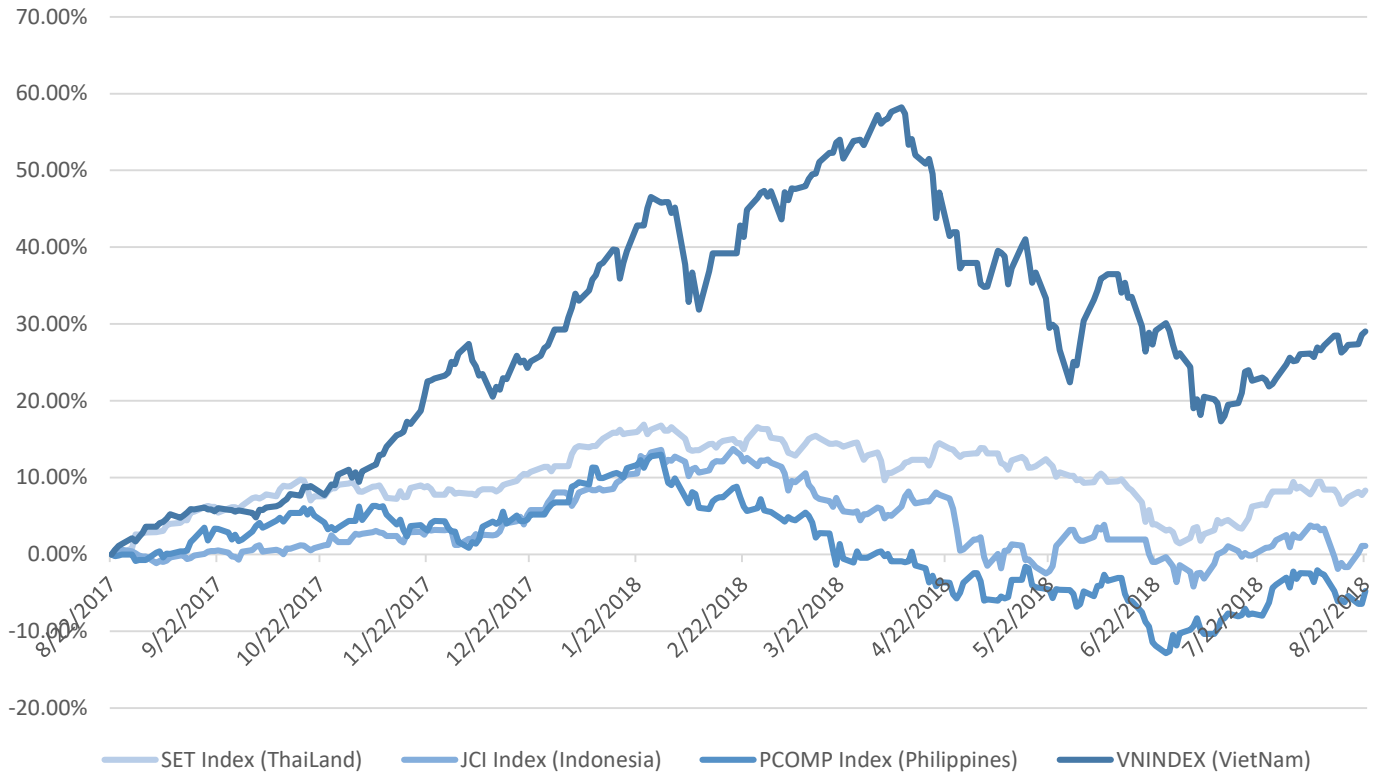
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

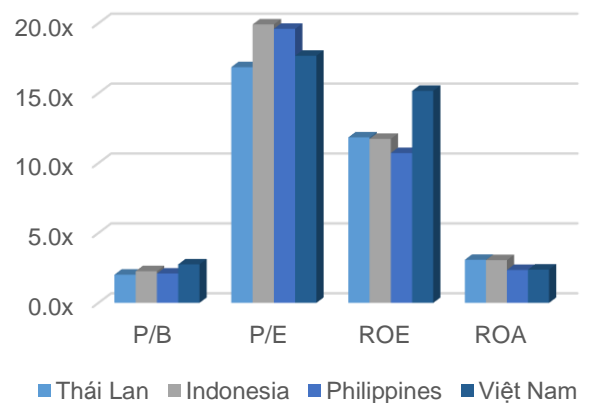
## Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.3x	2.1x	2.8x
P/E		16.9x	19.9x	19.6x	17.7x
ROE	%	11.84	11.73	10.72	15.17
ROA	%	3.08	3.06	2.36	2.38
Vốn hóa	Tỷ USD	521.27	461.28	174.96	134.34
GTGD	Triệu USD	1.40	0.39	0.04	0.15
LS cổ tức	%	3.06	2.29	1.64	1.83

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written